



NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP – DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ – NGUYỄN NHẬT TÂN
TRẦN VĂN THẮNG – HOÀNG THỊ THỊNH – HOÀNG THỊ THUẬN

CHUYÊN ĐỀ
HỌC TẬP

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

12

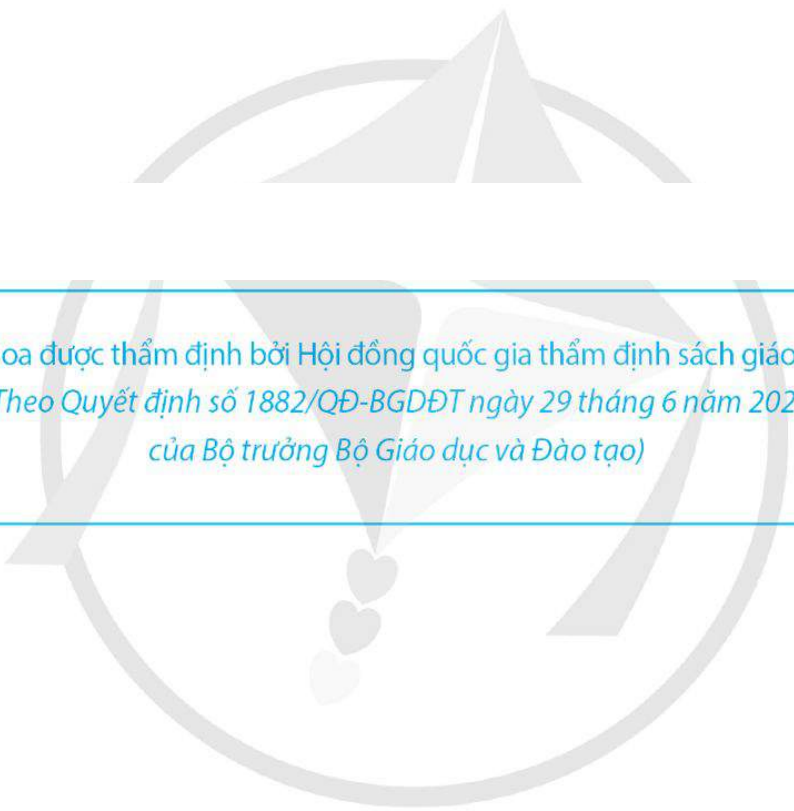
BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu góp ý



Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 12
(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP – DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ – NGUYỄN NHẬT TÂN
TRẦN VĂN THẮNG – HOÀNG THỊ THỊNH – HOÀNG THỊ THUẬN

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

BẢN MẪU

12



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Lời nói đầu

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất và năng lực chung, cùng các năng lực đặc thù của môn học theo yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 là một phần trong Chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12.

Sách gồm 3 chuyên đề:

1/ Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội;

2/ Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp;

3/ Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; đáp ứng nhu cầu lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của các em học sinh theo các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Pháp luật, Hành chính, ... sau trung học phổ thông, phù hợp với sở thích, hứng thú của bản thân. Nội dung của các chuyên đề ở mức độ chuyên sâu, vận dụng cao và tăng cường hoạt động trải nghiệm cho các em học sinh; giúp học sinh tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề của thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Nội dung *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12* được thiết kế theo hoạt động học tập của học sinh, trong đó mỗi bài học đều theo một cấu trúc thống nhất, bao gồm phần Mở đầu, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng. Với mỗi bài học này, các em sẽ thực hiện các hoạt động học tập trên lớp, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của thầy cô giáo để tìm tòi, khám phá kiến thức mới; luyện tập, củng cố để phát triển các năng lực theo yêu cầu của bài học; vận dụng, đưa nội dung bài học vào thực tiễn cuộc sống ở nhà, ở trường và xã hội.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 được biên soạn theo định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh. Việc đánh giá được thực hiện căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong mỗi chủ đề bài học; kết hợp đánh giá biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.

Khi tham gia vào các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà cùng các bài học trong *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12*, các em sẽ từng bước trưởng thành và củng cố định hướng nghề nghiệp theo các ngành học phù hợp mà mình lựa chọn.

Chúc các em một năm học mới thành công!

Các tác giả

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Mở đầu

Nêu nhiệm vụ học tập, tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị vào bài học mới.



Khám phá

Là các thông tin, tình huống, trường hợp, các hình ảnh để học sinh trao đổi, thảo luận, tìm kiến thức mới trong bài học.

❓ Câu hỏi tìm hiểu kiến thức.

💡 Cuối mỗi hoạt động là chốt kiến thức theo yêu cầu cần đạt của bài học.



Em cần biết

Cung cấp thêm thông tin nội dung cơ bản của bài học, hướng đến phát triển năng lực tự học.



Luyện tập

Gồm những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kiến thức bài học của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện các năng lực cần thiết theo yêu cầu của môn học.



Vận dụng

Là những bài tập để học sinh thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn trong và ngoài giờ học.

CHUYÊN ĐỀ 1:
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI
VĂN HOÁ, XÃ HỘI

CHUYÊN ĐỀ 2:
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP

CHUYÊN ĐỀ 3:
VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP
KINH TẾ QUỐC TẾ



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.
- Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.
- Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.
- Giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.
- Biết đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

 **Mở đầu**

Biến đổi văn hoá, xã hội đề cập đến quá trình thay đổi các yếu tố cấu thành của văn hoá, xã hội từ trạng thái này sang trạng thái khác. Sự biến đổi văn hoá, xã hội là sản phẩm tất yếu của quá trình phát triển kinh tế. Tuy nhiên, không phải lúc nào sự phát triển kinh tế cũng tỉ lệ thuận với sự phát triển văn hoá, xã hội. Do đó, cần phải có những quyết định chiến lược, chính sách đồng bộ, hợp lí và kịp thời để phát huy được hết những tác động tích cực và hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của sự phát triển kinh tế đối với văn hoá, xã hội.

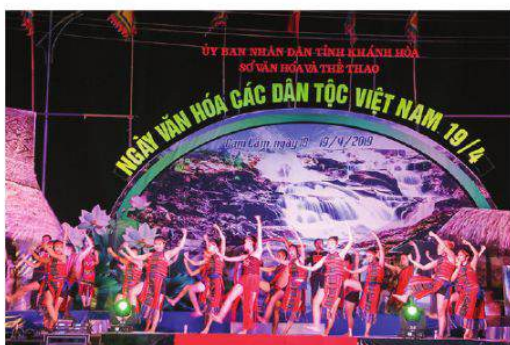
Em hãy chia sẻ một số ví dụ về những thay đổi thói quen hoặc lối sống của con người do sự tăng lên về thu nhập mà phát triển kinh tế mang lại.

 **Khám phá****1. Những biến đổi văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế**

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá là mối quan hệ biện chứng, thể hiện ở chất lượng phát triển bền vững của quốc gia. Văn hoá gắn liền với con người, nên phát triển bền vững về văn hoá cũng chính là phát triển bền vững con người. Trong quá trình phát triển của đất nước, phát triển kinh tế luôn gắn liền với phát triển văn hoá, nên sự phát triển kinh tế luôn tác động đến văn hoá và gây ra những biến đổi về văn hoá.

a. Những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế

Em hãy quan sát hình ảnh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi



Thông tin 1. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội XII và nhìn lại 35 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: So với nhiệm kỳ trước, cùng với những chuyển biến tích cực, toàn diện về kinh tế, nhận thức về văn hoá, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới. Nhiều mặt của đời sống xã hội, giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hoá trong chính trị và kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hoá khởi sắc. Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hoá, lối sống con người được chú trọng.

(Theo Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, trang 25)

Thông tin 2. Tăng trưởng kinh tế không chỉ củng cố hệ tư tưởng mà còn góp phần xây dựng lối sống tích cực, tiến bộ của con người Việt Nam. Những giá trị bền vững, tinh hoa của quốc gia, như lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức gắn kết cá nhân, cộng đồng,... tiếp tục được kế thừa và phát huy. Các phong trào từ thiện, tương thân tương ái, phong trào “Mùa hè xanh” của sinh viên tình nguyện nở rộ ở nhiều địa phương, đơn vị. Tính dân chủ, minh bạch, công khai vốn là đòi hỏi của thể chế kinh tế thị trường đã điều chỉnh hành vi, suy nghĩ của các cá nhân để có

ý thức kỉ luật, trách nhiệm cao hơn trong công việc và sinh hoạt. Đó là những mảng sáng trong tác động của tăng trưởng kinh tế đến phát triển văn hoá.

(Theo *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 12/6/2019)

Thông tin 3. Sự phát triển khoa học và công nghệ tạo ra kết cấu hạ tầng thông tin ngày một tốt hơn, như điện thoại, Internet,... dẫn đến khả năng tiếp cận thông tin của con người ngày càng tăng nhanh không chỉ ở các trung tâm và thành phố, mà còn ở hầu hết các địa phương trên cả nước, từ nông thôn đến miền núi, hải đảo. Nhờ nguồn thông tin không giới hạn giữa các vùng, miền, lãnh thổ quốc gia, với tính chất đa chiều, nhanh và quy mô không giới hạn, người dân thuộc mọi tầng lớp xã hội, ở những mức độ khác nhau, đều có thể tiếp cận các giá trị văn hoá, qua đó, hiểu biết phong phú, sâu rộng về các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có văn hoá.

(Theo *Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, số tháng 4/2023*)



- a) Em hãy chỉ ra những biến đổi tích cực của văn hoá do sự tác động từ phát triển kinh tế được thể hiện trong các hình ảnh và thông tin trên. Nêu những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi đó.
- b) Em hãy kể thêm những biến đổi tích cực của văn hoá do sự phát triển kinh tế mang lại.



Phát triển kinh tế đã tạo ra một môi trường văn hoá đa dạng, sáng tạo:

- Sự đa dạng văn hoá thể hiện ở phạm vi tiếp cận, giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc được mở rộng.
- Sự thay đổi trong đạo đức, lối sống biểu hiện ở việc sống mở lòng, hoà nhập, tôn trọng nhau.
- Sự phát triển của công nghệ và truyền thông với sự truyền tải thông tin nhanh chóng qua các nền tảng xã hội, giúp con người dễ dàng tiếp cận với kiến thức, nghệ thuật và văn hoá.
- Sự thay đổi trong nghệ thuật và giáo dục thể hiện ở việc nhu cầu giải trí và sáng tạo nghệ thuật đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của con người.

b. Những biến đổi tiêu cực của văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế và nguyên nhân

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trong bối cảnh kinh tế – xã hội chuyển đổi, sự đa dạng của các hoạt động nghề nghiệp, việc làm khiến cho nhiều người trở nên bận rộn với công việc riêng, ít thời gian rảnh rỗi để qua lại, thăm hỏi nhau như trước kia,... Bên cạnh đó, khi đời sống vật chất không ngừng được nâng lên, sự xuất hiện của những ngôi nhà kiên cố, “kín cổng cao tường” ngày càng phổ biến, khiến cho hoạt động gặp gỡ, trò chuyện giữa những người hàng xóm láng giềng bị hạn chế. Điều đó góp phần làm cho nhiều người dân, hộ gia đình vốn gần gũi, thân tình trước kia, nay dần trở nên xa cách hơn,...

(Theo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, số 482, tháng 12/2021)

Thông tin 2. Trong thời kì đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, nhiều lễ hội truyền thống đã được phục dựng lại, qua đó góp phần bảo tồn văn hoá truyền thống dân tộc. Tuy nhiên vẫn còn có những biểu hiện thương mại hoá trong lễ hội, lợi dụng lễ hội để trục lợi. Ở một số lễ hội, tình trạng xả rác bừa bãi vẫn còn diễn ra làm ảnh hưởng đến không gian tổ chức lễ hội. Trong việc hiếu, hỉ, vẫn còn hiện tượng tổ chức đám cưới linh đình, tốn kém [...]. Hiện tượng khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá, như chặt phá rừng, sử dụng nguồn nước ngầm thái quá,... đã phá vỡ các quy luật vốn có của tự nhiên, dẫn đến hệ quả xấu. Môi trường thiên nhiên bị huỷ hoại ngày càng tác động tiêu cực trở lại đến đời sống của con người, như hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở núi, đồi, sạt lở ven sông, ảnh hưởng đến đời sống người dân.

(Theo Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 10/2021)

Thông tin 3. Sự phát triển của khoa học – công nghệ giúp con người có thể làm nhiều loại công việc bằng hình thức làm việc từ xa, đây là những lợi ích to lớn mà khoa học – công nghệ mang lại, nhưng điều này cũng khiến con người trở nên lệ thuộc vào máy tính, điện thoại thông minh. Dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một số xu hướng, phong cách văn hoá, lối sống mới hình thành đã và đang gây tranh cãi. Đó là sự thay đổi một số quan niệm, thói quen của một bộ phận người dân, từ nặng về duy tình sang duy lý, vị tình sang vị tiền; là xu hướng cho rằng gia đình không còn là trung tâm; các yếu tố mang giá trị vật chất phần nào thay thế cho yếu tố tinh thần, tình cảm; là sự hình thành tư tưởng hoài nghi, chối bỏ các giá trị văn hoá truyền thống, lịch sử dân tộc; là sự băng hoại về đạo đức, sự xuống cấp trong các quan hệ xã hội, đặc biệt là sự lệch lạc về nhận thức, sống thiếu lí tưởng trong một bộ phận giới trẻ;...

(Theo Nguyễn Thị Mai Anh (2021), *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 12/2020)



- a) Em hãy chỉ ra những biến đổi văn hoá do sự tác động tiêu cực của kinh tế được thể hiện trong các thông tin trên. Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến những biến đổi đó?
- b) Em hãy kể thêm những biến đổi tiêu cực của văn hoá do sự phát triển kinh tế mang lại.



Mặt trái của phát triển kinh tế có thể gây ra những biến đổi tiêu cực của văn hoá:

Tăng trưởng kinh tế thường đi đôi với sự tăng cường thu nhập. Nhưng tăng trưởng không đồng đều có thể dẫn đến tiêu dùng không cân đối, thúc đẩy việc mua sắm không kiểm soát, lãng phí tài nguyên.

Toàn cầu hoá trong kinh tế có thể tạo ra các tiêu chuẩn văn hoá mới, điều này dễ tạo áp lực về việc phải theo đuổi những xu hướng, cách sống mới làm mất mát các giá trị truyền thống và đồng nhất hoá văn hoá, làm mất đi sự đa dạng và đặc trưng địa phương.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với sự đa dạng hoá nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá, điều này có thể dẫn đến sự suy giảm của các nghề thủ công truyền thống, làm mất đi sự đa dạng và giá trị văn hoá của các ngành nghề này.

Kinh tế phát triển không đồng đều có thể gây ra sự mất cân bằng về tiếp cận tài nguyên, giáo dục và các cơ hội phát triển, ảnh hưởng đến sự ổn định và các giá trị của đồng nhất văn hoá.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế; tạo ra sự phụ thuộc hơn vào các thiết bị và tiện ích công nghệ, làm mất cân bằng giữa cuộc sống thực và thế giới ảo, mất thời gian, gây nên sự cô lập xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu của các biến đổi tiêu cực này thường liên quan đến sự thay đổi nhanh chóng và không cân nhắc trong quá trình phát triển kinh tế. Sự tập trung vào mục tiêu kinh tế mà không có sự cân nhắc đến các yếu tố văn hoá, xã hội có thể dẫn đến việc bỏ qua giá trị truyền thống, đa dạng văn hoá và phân lớp xã hội, gây ra những biến đổi không lường trước được.

2. Những biến đổi xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế

Biến đổi xã hội là một hiện tượng mang tính phổ biến. Mỗi xã hội đều biến đổi thông qua thời gian nhưng do điều kiện khác nhau nên các xã hội biến đổi theo những nhịp độ nhanh, chậm khác nhau. Có nhiều nhân tố tác động đến biến đổi xã hội, trong đó có sự phát triển kinh tế.

a. Những biến đổi tích cực về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế

Em hãy đọc thông tin, trường hợp và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Việt Nam tập trung hoàn thành xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế, phòng ngừa, phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí,... Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hoá các Mục tiêu Thiên niên kỉ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

(Theo Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, trang 31 – 32)

Thông tin 2. Theo báo cáo của Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương, đến nay, cả nước có 6 009/8 225 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 937 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 110 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 255 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ đạt chuẩn nông thôn mới và 18 địa phương cấp tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 5 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đến hết năm 2022, cả nước đã có 18 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới,... Cả nước có 255 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đã có 73,08% số xã đạt chuẩn nông thôn mới,... Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2020 đạt 41,7 triệu đồng/người/năm, gấp 1,7 lần so với năm 2015 và gấp 3,2 lần so với năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn giảm còn khoảng 7,1%, giảm 4,7% so với năm 2016.

(Theo Trần Quốc Dân, *Biến đổi xã hội ở nông thôn Việt Nam hiện nay và những vấn đề đặt ra*, *Tạp chí Nông thôn mới*, số tháng 9/2023)

Trường hợp. Công ty xây dựng X triển khai dự án xây dựng tuyến đường giao thông liên xã tại huyện Y, dự án này không chỉ giải quyết khó khăn về việc đi lại, giao thương, sinh hoạt cộng đồng, mà còn cung cấp tiện ích trong việc sử dụng các dịch vụ y tế, văn hoá cho người dân 8 xã thuộc huyện Y và các khu vực lân cận. Tận dụng cơ hội này, anh Nam đã mở một cửa hàng tạp hoá ở khu vực trung tâm của huyện Y. Anh dự kiến khi kế hoạch thành công sẽ mở thêm các cửa hàng khác ở vị trí trung tâm xã. Anh mong muốn chuỗi cửa hàng của mình sẽ trở thành điểm đến quen thuộc, không chỉ là nơi mua sắm mà còn là nơi mọi người có thể giao lưu, trò chuyện và chia sẻ thông tin, tạo nên một môi trường giao tiếp xã hội tích cực và phát triển.



- a) Trong các thông tin trên, dưới sự tác động của phát triển kinh tế, những yếu tố xã hội nào đã thay đổi? Nêu những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi đó.
- b) Theo em, việc xây dựng tuyến đường giao thông liên xã của công ty X và việc mở chuỗi cửa hàng của anh Nam nhằm mục đích gì? Hãy xác định thêm những biến đổi tích cực có thể xảy ra đối với gia đình anh Nam và người dân huyện Y khi tuyến đường giao thông hoàn thành.



Một số biến đổi tích cực về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế:

Sự phát triển kinh tế tạo ra các công việc mới và mở rộng các ngành nghề, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội tiếp cận và tham gia vào lực lượng lao động. Điều này giúp giảm tỉ lệ thất nghiệp, cải thiện mức sống và đưa mọi người ra khỏi tình trạng nghèo đói.

Sự phát triển kinh tế thường đi đôi với tăng thu nhập, con người có thể tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tốt hơn, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao mức sống của họ.

Sự phát triển kinh tế mang đến những đầu tư vào cơ sở hạ tầng, bao gồm giao thông, năng lượng, viễn thông và các dịch vụ công cộng khác. Hạ tầng cải thiện giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng khả năng tiếp cận thông tin và giảm khoảng cách giữa các khu vực.

Sự phát triển kinh tế cung cấp nguồn lực để đầu tư vào hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nâng cao tuổi thọ, góp phần đẩy lùi các nguy cơ bệnh tật.

b. Những biến đổi tiêu cực về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế và nguyên nhân

Em hãy đọc thông tin, câu chuyện và trả lời câu hỏi

Thông tin. Việc tăng trưởng kinh tế quá mức, quá sức chịu đựng của hạ tầng xã hội cũng sẽ làm cho kinh tế trở nên “quá nóng”, dẫn tới nảy sinh vấn đề xã hội. Minh chứng cho điều trên là thực tiễn phát triển ở một số quốc gia quá chú trọng đến tốc độ tăng trưởng, bằng mọi giá, “lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm” đã làm cho kinh tế phát triển một cách nhanh chóng. Song cũng đã nảy sinh không ít vấn đề, như chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, các tầng lớp cư dân trong xã hội; tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; vấn đề dân sinh trở thành

điểm nóng; trong xã hội tồn tại nhiều hiện tượng hủ bại, tiêu cực và các hoạt động phạm tội, gây ra những ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của xã hội.

(Theo Vũ Văn Hà (2022), *gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, hdlv.vn)

Câu chuyện. Cuộc sống của gia đình chị A bắt đầu có những thay đổi khi khu công nghiệp mới được xây dựng gần nơi gia đình chị đang sinh sống. Dù bố mẹ phản đối nhưng các thành viên trong gia đình chị A vẫn quyết định từ bỏ nghề làm hương truyền thống của dòng họ để cùng nhiều người dân trong huyện xin vào làm việc ở nhà máy. Công việc mới với mức lương cao hơn, kinh tế và mức sống gia đình có nhiều khởi sắc. Thời gian đầu, hằng tuần, vợ chồng chị A và cô em gái thay nhau chăm sóc bố mẹ. Về sau, do yêu cầu của công việc nên chồng chị A thường xuyên phải di chuyển để làm ở những địa điểm khác nhau, cô em gái làm việc ở nhà máy thì kiên quyết không kết hôn, vì cho rằng công việc bận rộn nên không có thời gian, hơn nữa phụ nữ có thể làm việc và đóng góp cho xã hội một cách độc lập, không nhất thiết phải dựa vào việc lập gia đình. Thấy chị A vừa đi làm, chăm sóc các con, lo việc gia đình quá vất vả, các thành viên trong gia đình chị A quyết định bỏ ra một khoản tiền để thuê người giúp việc. Mỗi buổi tối trước đây, phòng khách của gia đình chị A luôn đầy ắp tiếng cười và những câu chuyện vui. Bây giờ, sau bữa cơm tối vội vàng, phòng khách đều vắng lặng.



- Trong thông tin trên, sự tác động của kinh tế gây ra những biến đổi tiêu cực nào về xã hội? Em hãy xác định nguyên nhân dẫn đến những biến đổi tiêu cực đó.
- Em nhận xét như thế nào về sự thay đổi trong cuộc sống của gia đình chị A?



Sự phát triển kinh tế không đồng đều có thể tạo ra khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn.

Sự tăng trưởng kinh tế thường đi kèm với hiện tượng đô thị hoá nhanh chóng, khiến các thành phố trở nên quá tải về cơ sở hạ tầng, dịch vụ và nhà ở, trong khi nông thôn mất đi nguồn nhân lực và tài nguyên, gây ra mất cân bằng đô thị – nông thôn.

Sự phát triển kinh tế nếu không kiểm soát được việc khai thác tài nguyên có thể gây ô nhiễm môi trường, huỷ hoại môi trường sống, hệ sinh thái tự nhiên, gây hại cho sức khoẻ cũng như chất lượng cuộc sống.

Sự phát triển kinh tế không đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội có thể tăng áp lực cạnh tranh, căng thẳng xã hội, gia tăng tội phạm, vấn đề về an ninh và an sinh xã hội.

Sự phát triển kinh tế không đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội có thể góp phần vào sự gia tăng các vấn đề xã hội như: đói nghèo, bệnh tật, tệ nạn xã hội,...

Nguyên nhân chủ yếu của những biến đổi tiêu cực này thường liên quan đến việc thiếu sự quản lý hiệu quả, mục tiêu phát triển không cân nhắc giữa kinh tế và môi trường, cũng như thiếu sự công bằng trong việc phân phối lợi ích từ sự phát triển kinh tế. Ngoài ra, còn có sự thiếu thông tin, kiến thức và ý thức của cộng đồng về tác động của sự phát triển kinh tế đến xã hội và môi trường.

3. Một số giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đối với văn hoá, xã hội

Em hãy đọc thông tin, hội thoại và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Thực hiện quan điểm nhất quán của Đảng về xoá đói, giảm nghèo, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng [...]. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, ngân sách nhà nước đã ưu tiên tập trung nguồn lực cao nhất cho các huyện nghèo, xã nghèo và người nghèo nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Ngoài ra, Nhà nước tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, như chính sách chăm sóc, giao khoán và bảo vệ rừng; chính sách khai hoang, phục hoá, tạo ruộng bậc thang; chính sách tăng cường hỗ trợ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo;... Chuẩn nghèo đa chiều tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, theo đó giai đoạn 2021 – 2025 ngoài nâng chuẩn thu nhập còn bổ sung thêm chuẩn nghèo về “việc làm”.

(Theo PGS.TS Phạm Văn Linh (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách xã hội ở Việt Nam trong những năm qua*, hdl.vn, ngày 05/10/2022)

Thông tin 2. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú.

Cải cách chính sách tiền lương tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm.

Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững. Xác lập các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động phù hợp với sự phát triển của thị trường.

Thực hiện tốt “Đề án tổng thể phát triển thể dục, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030”. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khoẻ của nhân dân, làm cơ sở cho phát triển thể dục, thể thao thành tích cao.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và thuốc chữa bệnh.

(Theo Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, trang 63-65)

Hội thoại. Một nhóm học sinh thảo luận về kết quả thực hiện bài tập dự án: Đề xuất giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội tại nơi cư trú, có một số ý kiến sau:

Hà: Đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo là biện pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao năng lực và trình độ của người lao động. Bằng cách này mới có thể tạo ra một lực lượng lao động thích nghi tốt với các thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Lan: Không thể xoá bỏ giàu nghèo, Nhà nước chỉ có thể tăng cường các chính sách phân phối lợi ích để đảm bảo công bằng trong việc chia sẻ thành quả của sự phát triển kinh tế nhằm giảm bớt khoảng cách giàu nghèo và tạo ra cơ hội công bằng cho mọi người.

Đặng: Một nền kinh tế đa dạng với nhiều ngành công nghiệp và lĩnh vực làm việc khác nhau có thể giúp giải quyết vấn đề thất nghiệp và tạo ra cơ hội việc làm cho những nhóm xã hội khác nhau, chỉ có giải quyết việc làm thì mới tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Dũng: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Phát triển kinh tế không thể xem riêng rẽ với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Chính sách và biện pháp bảo vệ môi trường như quản lý tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường và khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo có thể giúp giảm bớt tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế lên môi trường và xã hội.



a) Em hãy xác định những giải pháp phát huy tác động tích cực, hạn chế và khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đối với những biến đổi văn hoá, xã hội trong các thông tin trên. Em hãy nhận xét những biện pháp đã được sử dụng để thực hiện những giải pháp đó.

b) Em hãy nhận xét ý kiến của các bạn trong đoạn hội thoại trên. Em tán thành với ý kiến nào? Vì sao?

c) Theo em, để thực hiện một bài tập dự án nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội cần phải triển khai theo những bước như thế nào để mang lại hiệu quả?



Để giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội, chúng ta cần thực hiện nhất quán chính sách và biện pháp sau:

– Về mặt pháp lí: Hoàn thiện hệ thống pháp luật để phát huy những mặt tích cực và phòng ngừa, kiểm soát tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

– Về mặt kinh tế: Ưu tiên đầu tư khoa học công nghệ, kĩ thuật tiên tiến để góp phần giải quyết các vấn đề tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục.

– Về mặt giáo dục: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục trong toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; giảm bớt bất bình đẳng và đảm bảo sự bình đẳng cơ hội cho tất cả các tầng lớp xã hội. Đây có thể bao gồm các chương trình chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội.



Luyện tập

1. Em hãy liệt kê một số biến đổi tích cực về văn hoá, xã hội ở địa phương em và nêu rõ những tác động nào của sự phát triển kinh tế đã tạo ra sự biến đổi đó.
2. Hãy lấy một ví dụ biến đổi tiêu cực về văn hoá, xã hội ở địa phương em do tác động của sự phát triển kinh tế và chỉ ra nguyên nhân của biến đổi tiêu cực đó. Địa phương em đã có những biện pháp, chính sách nào để giải quyết? Em đánh giá như thế nào về những biện pháp, chính sách đó?
3. Em hãy cùng bạn tranh biện về ý kiến sau: Sự gia tăng về tiêu dùng và phong cách sống hiện đại của thanh niên hiện nay không ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa các thế hệ trong gia đình cũng như giá trị truyền thống.
4. Em hãy cùng bạn thực hiện bài tập nghiên cứu tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá theo các gợi ý sau:
 - Xác định chủ đề và xác định mục tiêu nghiên cứu.
 - Xây dựng kế hoạch nghiên cứu.

- Thực hiện nghiên cứu theo kế hoạch.
- Soạn thảo báo cáo kết quả nghiên cứu.
- Trình bày và thảo luận kết quả nghiên cứu.
- Tổng kết và đánh giá.

Vận dụng

1. Em hãy cùng bạn thu thập bài báo, số liệu, hình ảnh,... về những biến đổi tích cực từ văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế ở địa phương em và tạo thành một sản phẩm (báo tường/báo ảnh/video/infographic/padlet/...). Giới thiệu sản phẩm trước lớp.
2. Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch khảo sát về những tác động của sự phát triển kinh tế đối với việc di cư lao động để tìm việc làm ở các đô thị, khu công nghiệp và thành phố lớn.
3. Em hãy tìm hiểu và viết một bài giới thiệu về những thay đổi trong nhận thức và hành động về vấn đề bình đẳng giới do tác động của sự phát triển kinh tế. Chia sẻ bài viết với các bạn trong lớp.

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.
- Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.

**Mở đầu**

Thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân, trong những năm qua ở nước ta đã có gần 1 triệu doanh nghiệp ra đời, tạo ra hàng triệu công ăn việc làm mới, ổn định cho người lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Để hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ổn định và có điều kiện phát triển, Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2020, điều chỉnh toàn diện các hoạt động của doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp ra đời tạo khung pháp lý cho hoạt động của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Em hãy kể về một số loại doanh nghiệp ở địa phương em.

**Khám phá****1. Khái niệm Luật Doanh nghiệp**

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Quá trình thành lập, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp luôn có những mối quan hệ xã hội khác nhau phát sinh giữa các chủ thể, cần có sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Trường hợp. Công ty cổ phần T được thành lập tháng 6 năm 2021. Những cổ đông sáng lập của công ty làm thủ tục thành lập doanh nghiệp, được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mọi hoạt động tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty T đều được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Qua mấy năm, công ty T dần ổn định và bắt đầu hoạt động kinh doanh.



- Từ trường hợp, em hãy cho biết, Luật Doanh nghiệp điều chỉnh những hoạt động nào của doanh nghiệp.
- Em hiểu thế nào là Luật Doanh nghiệp?



Luật Doanh nghiệp là tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh quyền, nghĩa vụ và các mối quan hệ xã hội phát sinh trong việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và công ty tư nhân.

2. Nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp

Nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp bao gồm quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

a. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Em hãy đọc các thông tin, tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin. Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Doanh nghiệp có quyền tự chủ trong kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và chỉ được kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; không kinh doanh những ngành nghề, những mặt hàng có hại cho sức khỏe người tiêu dùng; kê khai đúng và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán – tài chính đối với vốn và tài sản trong hoạt động kinh doanh; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

Doanh nghiệp phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Thông tin

Luật Doanh nghiệp năm 2020

Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp (Trích)

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện,... theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng kí doanh nghiệp, đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp,...
5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật;...

Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm (Trích)

3. Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng kí hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.
6. Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật...

Tình huống 1. Chị Liên là chủ doanh nghiệp tư nhân N, do hai năm nay doanh nghiệp của chị kinh doanh kém hiệu quả nên chị muốn giảm vốn doanh nghiệp của mình. Chị đang không biết có cần phải làm thủ tục giảm vốn kinh doanh không.

Tình huống 2. Trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần C do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp có ghi rõ các ngành, nghề kinh doanh gồm: sản xuất điện năng; sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống điện; tư vấn kỹ thuật điện. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, do nhu cầu phát triển thị trường, công ty đã kinh doanh thêm nghề bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng điện. Tuy nhiên, khi kinh doanh thêm nghề mới, công ty C không làm thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh.



- a) Trong tình huống 1, chị Liên có quyền giảm vốn kinh doanh không? Nếu giảm vốn, chị có cần đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh không? Giải thích vì sao.
- b) Theo em, công ty C trong tình huống 2 có quyền kinh doanh thêm ngành nghề mới hay không? Vì sao?
- c) Trong trường hợp kinh doanh thêm nghề bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng điện, công ty C có cần làm thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư không? Vì sao?



Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; có quyền tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động quyết định quy mô và ngành nghề kinh doanh; có quyền tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng; tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

Cùng với quyền của mình, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chỉ được kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; phải đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà pháp luật quy định; tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật.

b. Các loại hình doanh nghiệp

Em hãy đọc các thông tin, tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, ở Việt Nam hiện nay có 5 loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh và Doanh nghiệp tư nhân.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; các chủ thể khi tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần được gọi là cổ đông. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó phải có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.

Tình huống 1. Hai anh S và Q cùng góp vốn và danh nghĩa để thành lập công ty hợp danh X. Sau khi hai anh góp vốn, một số người khác cũng xin góp vào vốn chung của công ty trên cơ sở công ty mang danh nghĩa của anh S và anh Q. Anh S đồng ý cho người khác góp vốn vào doanh nghiệp mình, còn anh Q thì không đồng ý, vì cho rằng người khác góp thêm vốn thì không còn là công ty hợp danh nữa.

Tình huống 2. Công ty X do chị V là chủ sở hữu vốn đăng ký thành lập công ty và chủ sở hữu toàn bộ vốn hoạt động của công ty. Sau đó, chị huy động một số người đóng góp tiền để tăng vốn hoạt động kinh doanh của công ty. Số tiền này được chị V ghi và thanh toán riêng cho từng người tương ứng với lợi nhuận thu được của công ty X.



- a) Trong tình huống 1, cách giải thích của anh Q khi không đồng ý cho góp thêm vốn có phù hợp với quy định của pháp luật không? Vì sao?
- b) Trong tình huống 2, công ty X thuộc loại doanh nghiệp gì? Việc chị V huy động vốn kinh doanh và thanh toán riêng cho từng người tương ứng với lợi nhuận thu được của công ty X có đúng với tính chất của doanh nghiệp X hay không? Vì sao?



Luật Doanh nghiệp năm 2020 ghi nhận 5 loại hình doanh nghiệp ở nước ta: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh và Doanh nghiệp tư nhân.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức hoặc cá nhân. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó cổ đông có thể là cá nhân, tổ chức với số lượng tối thiểu là 3 và không hạn chế số lượng tối đa. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

– Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó có ít nhất hai người cùng góp vốn và danh nghĩa để hoạt động kinh doanh dưới một tên chung và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn trước các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản phát sinh từ các hoạt động kinh doanh đó.

Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động trong doanh nghiệp.

c. Thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp

Em hãy đọc các thông tin, tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi

Thông tin. Thành lập doanh nghiệp là một thủ tục hành chính do nhà đầu tư tiến hành tại cơ quan đăng ký kinh doanh, nhằm cho ra đời một doanh nghiệp mới trên cơ sở quy định của pháp luật. Bộ máy tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Để thành lập được một doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

Thứ nhất, điều kiện về vốn điều lệ và vốn pháp định khi thành lập công ty. Hiện nay, Luật Doanh nghiệp không quy định mức vốn tối thiểu thành lập doanh nghiệp (ngoại trừ những ngành, nghề yêu cầu vốn pháp định). Tuy nhiên, vốn điều lệ có thể hiểu là toàn bộ tài sản mà các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty góp vào, vì vậy cần phải dựa vào tình hình thực tế và số vốn chắc chắn có thể góp để đăng ký mức vốn điều lệ cho phù hợp nhất.

Doanh nghiệp phải góp đủ số vốn điều lệ đăng ký trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quá thời hạn quy định và vẫn không góp đủ vốn điều lệ thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

Thứ hai, điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp. Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, tất cả tổ chức, cá nhân đều có quyền thành lập, góp vốn thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam, trừ những trường hợp tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Thứ ba, điều kiện ngành, nghề kinh doanh. Doanh nghiệp được quyền đăng ký kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, được quy định cụ thể tại văn bản pháp luật chuyên ngành. Còn đối với những ngành, nghề có điều kiện thì doanh nghiệp phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện của từng ngành, nghề theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp chính thức được thành lập và bắt đầu kinh doanh khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, nếu muốn kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp phải làm hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thành phố và chỉ được kinh doanh sau khi được cấp Giấy phép kinh doanh.

Trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng thành viên *công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên* có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất về chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh, vốn điều lệ, các chức danh quản lý và cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.

Công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, có Ban kiểm soát, nếu công ty có từ 11 cổ đông trở lên. Công ty cổ phần có ít nhất một người đại diện theo pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị có quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, có nhiệm vụ điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Công ty hợp danh gồm Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

Hội đồng thành viên có quyền quyết định về định hướng, chiến lược phát triển công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; những vấn đề về vốn, tài sản của công ty;...

Doanh nghiệp tư nhân do cá nhân làm chủ. Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Thông tin

Luật Doanh nghiệp năm 2020

Mục 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Điều 58. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên (Trích)

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên; tỉ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên tán thành; tỉ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

Mục 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Điều 80. Hội đồng thành viên (Trích)

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm hoặc do các thành viên Hội đồng thành viên bầu theo nguyên tắc đa số, theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% số thành viên dự họp tán thành hoặc số thành viên dự họp sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Chương V. Công ty cổ phần

Điều 153. Hội đồng quản trị (Trích)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kí kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc...;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định [...] và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

Điều 190. Quản lý doanh nghiệp tư nhân (Trích)

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trường hợp này, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân.

Tình huống 1. Chị X là Giám đốc công ty cổ phần Y, trong điều hành công việc hằng ngày, chị X tự quyết định đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, từ việc tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, kí hợp đồng mua bán hàng hoá, tuyển nhân viên làm việc ở các bộ phận. Chị cũng quyết định sử dụng lợi nhuận sau thuế để mở rộng hoạt động kinh doanh. Tất cả các hoạt động này do chị X tự quyết định, sau khi đã cân nhắc, mà không xin ý kiến của Hội đồng quản trị.

Tình huống 2. Ông L là Phó Giám đốc kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C. Trong điều hành công việc hằng ngày, ông thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng thành viên. Một lần, cơ hội kinh doanh đến, nếu cứ chờ đợi làm theo nghị quyết của Hội đồng thành viên thì công việc có thể diễn ra không được theo ý muốn, có thể bỏ lỡ cơ hội. Ông L đã quyết định làm trái với nghị quyết của Hội đồng thành viên. Công việc diễn ra suôn sẻ, nhanh chóng. Nhưng mấy tuần sau có đơn khiếu nại về lô hàng ông giao cho đối tác không đảm bảo chất lượng.



- a) Em hãy cho biết, trong tình huống 1 chị X có toàn quyền quyết định trong hoạt động của công ty Y hay không. Vì sao?
- b) Hành vi, việc làm của ông L trong tình huống 2 có phù hợp với Luật Doanh nghiệp không? Vì sao?



Cá nhân, tổ chức có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Khi muốn thành lập doanh nghiệp, phải làm hồ sơ đăng kí doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật đối với từng loại doanh nghiệp đó, như công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu.

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

– Công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, có Ban kiểm soát, nếu công ty có từ 11 cổ đông trở lên.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Hội đồng quản trị có quyền. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.

– Cơ cấu tổ chức quản lý của của Công ty hợp danh gồm Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Hội đồng thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.

– Doanh nghiệp tư nhân do cá nhân làm chủ. Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân.

d. Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp

Tổ chức lại doanh nghiệp được hiểu là cách thức nhằm thay đổi quy mô, loại hình doanh nghiệp. Việc tổ chức lại doanh nghiệp sẽ giúp cho doanh nghiệp nâng cao được năng lực cạnh tranh để phát huy hiệu quả hoạt động kinh doanh hoặc giúp doanh nghiệp giải quyết được các mâu thuẫn nội bộ để tránh phải giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp.

Khi thành lập doanh nghiệp, người đứng đầu sẽ không bao giờ mong muốn giải thể doanh nghiệp của mình. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, với những nguyên nhân khác nhau, họ có thể phải thực hiện thủ tục để giải thể doanh nghiệp. Nhằm bảo vệ lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan khi doanh nghiệp giải thể, pháp luật quy định điều kiện, thủ tục tiến hành giải thể, bảo đảm cho việc doanh nghiệp chỉ chấm dứt tồn tại và rút khỏi thị trường khi hoàn thành các nghĩa vụ đã tạo lập trong quá trình hoạt động.

Em hãy đọc các thông tin, tình huống và trả lời câu hỏi

Thông tin

Tổ chức lại doanh nghiệp có thể được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

– *Chia doanh nghiệp*: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể được chia thành một số công ty cùng loại. Thủ tục chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được quy định tại Điều 198 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

– *Tách doanh nghiệp*: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản của công ty hiện có để thành lập một hoặc một số công ty mới cùng loại; chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của công ty bị tách sang công ty được tách mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách. Thủ tục tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được quy định tại Điều 199 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

– *Hợp nhất doanh nghiệp*: Hai hoặc một số công ty cùng loại có thể hợp nhất thành một công ty mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất. Thủ tục hợp nhất công ty được quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

– *Sáp nhập doanh nghiệp*: Một hoặc một số công ty cùng loại có thể sáp nhập vào một công ty khác bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Thủ tục sáp nhập công ty được quy định tại Điều 201 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Giải thể doanh nghiệp là quá trình chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp quy định tại Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

– Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.

– Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.

– Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp.

– Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan.

– Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỉ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

Thông tin

Luật Doanh nghiệp năm 2020

Điều 208. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp (Trích)

1. Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng;

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp...

5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự ưu tiên...

6. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỉ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần;

7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp;...

Tình huống. Do tình hình kinh doanh không thuận lợi, Hội đồng quản trị công ty cổ phần M đã ra nghị quyết về giải thể công ty. Kể từ khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về giải thể công ty đến 20 ngày sau, công ty vẫn không gửi thông báo đến các cổ đông bên ngoài công ty. Đến thời điểm làm thủ tục giải thể, tài sản của công ty có 60 tỉ đồng. Công ty trả nợ 30 tỉ đồng, thanh toán lương, bảo hiểm và các chế độ khác cho cán bộ công nhân viên hết 15 tỉ đồng; số tiền còn lại là 15 tỉ đồng công ty chia cho ban lãnh đạo và một số cán bộ quản lý của công ty.



- a) Em hãy nhận xét về việc thực hiện thủ tục giải thể của công ty M.
- b) Theo quy định của pháp luật, số tiền 15 tỉ đồng còn lại của công ty phải được giải quyết như thế nào?



- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp bao gồm các hình thức: chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty, sáp nhập công ty và chuyển đổi loại hình công ty.

Trong quá trình kinh doanh, các doanh nghiệp có thể điều chỉnh quy mô và cơ cấu tổ chức cho phù hợp. Theo khoản 31, Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp có thể được tổ chức lại với các hình thức chia doanh nghiệp, tách doanh nghiệp, hợp nhất doanh nghiệp, sáp nhập doanh nghiệp.

- Giải thể doanh nghiệp là quá trình chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện doanh nghiệp có khả năng thanh toán hoặc bảo đảm thanh toán các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

- Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



Luyện tập

1. Ông H là Giám đốc công ty cổ phần, có trụ sở tại tỉnh V. Trong hoạt động, với quyền hạn của mình, ông H tự mình quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, có bàn bạc trao đổi với các Phó Tổng Giám đốc về những nội dung liên quan. Ngoài ra, ông H còn chủ trì, quyết định việc tuyển dụng lao động của công ty theo đề nghị của các bộ phận chức năng.

Ông H đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình như thế nào? Thực hiện đúng hay sai? Vì sao?

2. Công ty hợp danh C hoạt động kinh doanh hàng thực phẩm. Hàng hoá của công ty được bày bán trong cửa hàng khá phong phú, gồm gạo, rau, củ, quả, gia vị, thịt, sữa, rượu, nước uống các loại. Thời gian gần đây, cửa hàng của công ty có bán thêm rượu ngoại và thuốc lá ngoại, là các hàng hoá mà công ty không đăng kí kinh doanh. Vì là hàng nhập lậu, giá cả rẻ nên đã thu hút lượng khách ngày một đông hơn.

a) *Việc cửa hàng của công ty C bán rượu và thuốc lá ngoại nhập lậu có phù hợp với pháp luật không? Vì sao?*

b) *Nếu muốn kinh doanh rượu và thuốc lá ngoại nhưng không phải hàng nhập lậu, công ty cần phải làm thủ tục gì?*

3. Công ty Y là công ty cổ phần mà Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ. Ông K được Hội đồng thành viên bổ nhiệm làm Giám đốc với nhiệm kỳ 5 năm. Trong nhiệm vụ của mình, ông K điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày của công ty, tự quyết định các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc, không báo cáo với Hội đồng quản trị; tự kí kết các hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của công ty theo Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ công ty.

Trong trường hợp này, ông K đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn là Giám đốc của mình như thế nào? Có phù hợp với pháp luật không?

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên X có trụ sở tại tỉnh Y, được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp năm 2021. Công ty gồm 4 thành viên, trong đó ông A góp 37%, ông B góp 20%, bà C góp 20%, ông D góp 23% vốn điều lệ. Sau 2 năm, ông A triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên để thông qua nghị quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty. Cuộc họp chỉ có ông A, ông B, bà C biểu quyết thông qua nghị quyết mà không có ông D.

Trong trường hợp trên, nghị quyết của công ty X được thông qua có đúng quy định pháp luật về công ty cổ phần không? Vì sao?

5. Ông L là Giám đốc điều hành của công ty cổ phần. Trong Đại hội đồng cổ đông của công ty E, ông L được bầu vào danh sách Hội đồng thành viên công ty X. Trong cuộc họp đầu tiên của công ty X để ổn định tổ chức của Hội đồng thành viên công ty X, ông M có ý kiến cho rằng ông L không thể vừa là giám đốc công ty khác lại vừa là thành viên Hội đồng thành viên của công ty X. Hội đồng thành viên đã thảo luận về trường hợp của ông L.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, ở trường hợp trên, ông L có thể vừa là thành viên Hội đồng thành viên, vừa là Giám đốc doanh nghiệp khác không? Vì sao?

6. Công ty cổ phần G có vốn điều lệ là 60 tỉ đồng, công ty do ba cổ đông H, I và K góp vốn. Ba cổ đông này đều sở hữu số cổ phần bằng nhau, mỗi cổ đông là 20 tỉ đồng. Biết giá trị của tài sản tại thời điểm làm thủ tục giải thể là 70 tỉ. Khi thông báo giải thể, công ty D có các khoản nợ với chủ nợ là 30 tỉ, nợ lương và các khoản nợ đối với người lao động là 15 tỉ đồng.

a) Công ty D sẽ phải làm thủ tục thanh toán nợ như thế nào khi tiến hành thủ tục giải thể?

b) Sau khi thanh toán xong các khoản nợ, cổ đông của công ty D có được chia số tài sản còn lại không? Mỗi cổ đông được bao nhiêu?

Vận dụng

1. Mỗi nhóm chọn một loại hình doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Công ty cổ phần; Công ty hợp danh; Doanh nghiệp tư nhân) trên địa bàn tỉnh mình, tìm hiểu về tình hình thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc thực hiện Luật Doanh nghiệp. Báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.
2. Em hãy thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về Luật Doanh nghiệp và chia sẻ sản phẩm trước lớp.

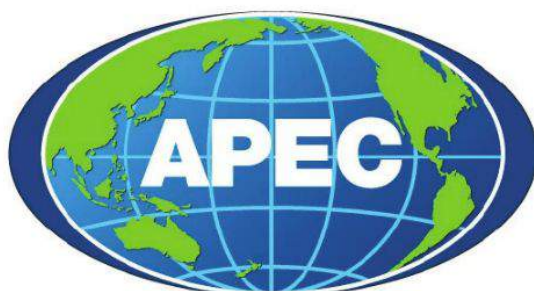
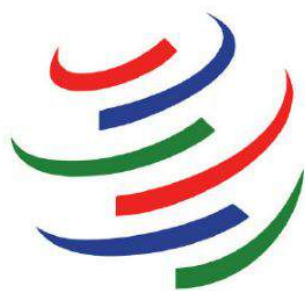
Yêu cầu cần đạt

- Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.
- Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

 **Mở đầu**

Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, các mối liên kết quốc tế của sản xuất và trao đổi ngày càng gia tăng, khiến cho nền kinh tế của các quốc gia trở thành một bộ phận hữu cơ và không thể tách rời nền kinh tế toàn cầu. Do đó, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành tất yếu khách quan, là phương thức phát triển phổ biến của các quốc gia. Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế còn là phương thức để khắc phục sự tụt hậu so với các quốc gia trên thế giới.

Em hãy cho biết mỗi biểu tượng dưới đây là của tổ chức quốc tế nào. Em hãy chia sẻ ý nghĩa của việc tham gia các tổ chức quốc tế đó.





Khám phá

1. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

a. Cơ hội đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế mang lại nhiều cơ hội cho các quốc gia tham gia. Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế giúp nước ta tận dụng được rất nhiều cơ hội để thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

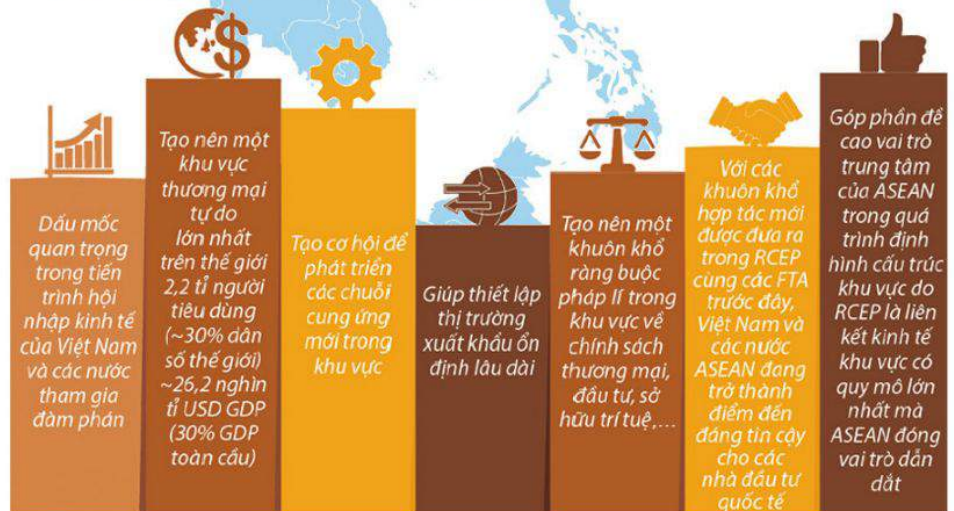
Thông tin 1. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) là một hiệp định nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn sự gắn kết giữa ASEAN và Ô-xtrây-li-a, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu Di-lân. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Khi được 15 thành viên thực thi, RCEP sẽ tạo nên một thị trường với quy mô 2,2 tỉ người tiêu dùng, khoảng 30% dân số thế giới, với GDP 26,2 nghìn tỉ USD (khoảng 30% GDP toàn cầu), trở thành khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới. Hiệp định sẽ mang lại cơ hội thị trường, việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hợp tác khoa học công nghệ cho doanh nghiệp và người dân trong khu vực, trong đó có Việt Nam.

(Theo Toàn văn Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Ban thư kí ASEAN)



HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC Cơ hội phát triển cho Việt Nam và các nước ASEAN

Ngày 15/11/2020, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã được kí kết theo hình thức trực tuyến, đặt ra kì vọng là Hiệp định thương mại tự do (FTA) có quy mô lớn nhất thế giới mang lại lợi ích lớn cho tất cả các nước thành viên.



Thông tin 2. Hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề cho hội nhập về văn hoá, tạo điều kiện để tiếp thu những giá trị tinh hoa của thế giới, góp phần làm giàu thêm văn hoá dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Hội nhập kinh tế quốc tế tác động mạnh đến hội nhập chính trị, tạo điều kiện để Việt Nam xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh. Đồng thời, hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu.

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp Việt Nam đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hoà bình và ổn định ở khu vực và thế giới; đồng thời mở ra khả năng phối hợp giữa các nước để giải quyết những vấn đề chung của nhân loại, như môi trường, biến đổi khí hậu, phòng chống tội phạm,...



Em hãy cho biết mỗi thông tin trên đề cập đến cơ hội gì cho Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế. Em hãy phân tích và làm rõ các cơ hội đó.



Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những cơ hội to lớn đối với sự phát triển của Việt Nam:

- Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước;
- Tạo cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hoá, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng của đất nước.

b. Thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Bên cạnh những cơ hội mang lại, Hiệp định Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) cũng đưa đến những thách thức lớn cho Việt Nam, cụ thể:

Một là, doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị cạnh tranh gay gắt với các thành viên khác trong RCEP. Doanh nghiệp Việt Nam yếu hơn về quy mô vốn, năng lực thiết bị, trình độ công nghệ, kỹ năng quản lý và lao động. Điều này làm cho các doanh nghiệp Việt Nam ở thế bất lợi so với một số thành viên khác trong RCEP.

Hai là, khi thị trường nội địa phải mở cửa theo Hiệp định RCEP, các hàng hoá có cùng cấu trúc sản phẩm sẽ đổ vào Việt Nam, sản phẩm Việt Nam phải đối mặt trực tiếp với hàng hoá nhập khẩu từ RCEP, gây sức ép cho thị trường nội địa.

Thông tin 2. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế Việt Nam vào thị trường bên ngoài, làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động bên ngoài.

Hội nhập kinh tế quốc tế làm tăng nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế không hợp lý, tranh giành các nguồn tài nguyên thiên nhiên; gia tăng khoảng cách giàu – nghèo, bất bình đẳng xã hội và những tác động tiêu cực về văn hoá, lối sống. Nếu như nền kinh tế chỉ tập trung vào việc sản xuất hàng hoá có giá thấp, xuất khẩu sản phẩm thô và ít chú trọng đến tiêu chuẩn môi trường thì có thể dẫn đến chuyển dịch cơ cấu không hợp lý, cạn kiệt tài nguyên, sản xuất hàng hoá không bền vững, gây ô nhiễm môi trường,...



- Từ thông tin 1, theo em Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã dẫn đến những thách thức nào cho doanh nghiệp và thị trường nội địa của Việt Nam?
- Em hãy kể tên các thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam được đề cập ở thông tin 2.
- Em hãy lấy ví dụ trong thực tế để làm rõ thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.



Thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế:

Về kinh tế: Làm gia tăng sự cạnh tranh, tăng nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế không hợp lý.

Về chính trị: Làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, những thách thức với an ninh quốc gia,...

Về văn hoá, xã hội: Gia tăng khoảng cách giàu – nghèo và bất bình đẳng xã hội; ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; những tác động tiêu cực về văn hoá, lối sống.

2. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng, Nhà nước và biện pháp, chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

a. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nước ta có thuận lợi cơ bản là nước đi sau, có thể học hỏi được kinh nghiệm thành công của những nước đi trước và có cơ hội rút ngắn thời gian thực hiện quá trình này. Đảng và Nhà nước ta luôn thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế

nhằm giúp nước ta đạt được các mục tiêu cụ thể của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

“Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

– Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

– Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.”

Để đạt được những mục tiêu đó, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hoá, con người Việt Nam... Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”. “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả”.

Sự nhất quán trong đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện:

– Hội nhập kinh tế quốc tế là do yêu cầu nội sinh, yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

– Hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

– Hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với việc giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước; khẳng định mở cửa, hội nhập để khai thác các mặt có lợi cho sự phát triển kinh tế của nước ta từ nền kinh tế thế giới.

– Chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

– Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

– Điều chỉnh cơ cấu thị trường, xây dựng đồng bộ thị trường trong nước (thị trường hàng hoá, thị trường nhân lực, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản), để đủ sức hội nhập với khu vực và hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác.

– Tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp vững mạnh; coi doanh nghiệp là đội quân xung kích vô cùng quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế.

– Chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, tích cực tham gia đàm phán thương mại, tham gia các diễn đàn, tổ chức, hiệp định, định chế quốc tế một cách chọn lọc với những bước đi tinh táo và thích hợp.



Em hãy cho biết những đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế nào của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện qua thông tin trên.



– Chủ trương, đường lối hội nhập kinh tế của Đảng: Thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc làm cơ sở hàng đầu cho mọi chính sách; chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

– Chính sách cụ thể của Nhà nước: Xây dựng đồng bộ thị trường trong nước, chủ động mở cửa nền kinh tế, tích cực hội nhập với khu vực và thế giới, trong đó doanh nghiệp là lực lượng quan trọng trong tiến trình hội nhập.

b. Một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin. Để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ: Duy trì sự ổn định và phát triển trên tất cả các lĩnh vực; triển khai các giải pháp mang tính đột phá, trong đó trọng tâm là đột phá về thể chế pháp luật, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới động lực tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh chất lượng của nền kinh tế; tiếp tục hoàn thiện thể chế nhằm tháo gỡ những điểm nghẽn để doanh nghiệp Việt Nam nhanh chóng lớn mạnh, trở thành nòng cốt của nền kinh tế đất nước; từng bước hoàn thiện thể chế phòng vệ phù hợp với thể chế quốc tế để bảo vệ lợi ích doanh nghiệp, người dân Việt Nam và thị trường trong nước; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về môi trường quốc tế, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho hội nhập quốc tế.

(Theo Nguyễn Thị Luyến, *Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập kinh tế sâu rộng trong tình hình mới*, Tạp chí Tài Chính, số 785/2022, trang 16 – 18)



- a) Theo em, thông tin trên đề cập đến biện pháp và chính sách nào nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam?
- b) Em hãy kể thêm các biện pháp và chính sách khác nhằm giải quyết các vấn đề trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.



Để giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp và chính sách:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò các cơ quan quản lý nhà nước trong hội nhập kinh tế quốc tế;
- rà soát, củng cố, hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế;
- Chủ động và tích cực hơn trong việc tham gia các thể chế đa phương;
- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế;
- Có chính sách phát triển chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý;
- Gắn hội nhập kinh tế quốc tế với củng cố an ninh quốc phòng;
- Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trên thế giới.

3. Thành tựu, hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1

MỘT SỐ THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM



Đối ngoại

- Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc (30 nước có quan hệ Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện).
- Thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia.
- Có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước.



Kinh tế

- Có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với trên 224 nước; 71 đối tác công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường.
- Hình thành mạng lưới đối tác kinh tế quốc tế rộng lớn thông qua các khuôn khổ hợp tác song phương, khu vực và đa phương.
- Kí 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với trên 60 đối tác.
- Thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, tăng trưởng kinh tế từng bước vững chắc, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng; cán cân xuất, nhập khẩu hàng hoá được cải thiện rõ rệt, chuyển từ thâm hụt sang thặng dư, thị trường xuất khẩu được mở rộng và đa dạng.
- Sự gia tăng dòng vốn đầu tư nước ngoài tạo động lực chính cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam.



Chính trị, xã hội

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách ngày càng được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập.
- Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội được chăm lo, đảm bảo hơn.
- Hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hoá, du lịch,... đạt nhiều thành tựu.

(Theo Nghị quyết số 93/NĐ-CP về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030, ngày 05/7/2023 của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

Thông tin 2

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

1

Trong tổ chức hoàn thiện pháp luật, việc nhận thức về ý nghĩa, vai trò tầm quan trọng, thời cơ cũng như thách thức, đặc biệt là ở cấp địa phương trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hiểu biết đầy đủ cam kết quốc tế của Việt Nam để nội luật hoá thành các quy phạm pháp luật trong nước theo hướng linh hoạt, bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích tối đa của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam còn chưa thực sự tốt.

2

Sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu so với thế giới, kể cả các nước trong khu vực.

3

Hội nhập kinh tế quốc tế chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững của nền kinh tế; mức độ đổi mới tư duy, sáng tạo trong suy nghĩ, quyết liệt trong hành động còn chưa thực sự cao.

(Theo Nghị quyết số 93/NĐ-CP về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030, ngày 05/7/2023 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)



- Từ thông tin 1, em hãy kể tên những thành tựu của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Theo em, thông tin 2 đề cập đến những hạn chế nào của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế? Em hãy lấy ví dụ trong thực tế để làm rõ hạn chế đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Em hãy nêu các hạn chế khác của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.



Nhờ tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể:

- Về đối ngoại: Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia trên thế giới, tham gia các hình thức hội nhập.
- Về kinh tế: Mở rộng quan hệ thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá tới các thị trường quốc gia và vùng lãnh thổ; thu hút vốn đầu tư nước ngoài; kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng.
- Về chính trị, văn hoá, xã hội: Cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế; phát triển khoa học – công nghệ; tăng năng suất lao động, phát huy sức mạnh giá trị văn hoá, con người Việt Nam trên thế giới.

Bên cạnh những thành tựu đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cũng còn một số hạn chế như:

- Nền kinh tế phát triển chưa bền vững.

- Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp.
- Chất lượng các doanh nghiệp FDI vẫn bộc lộ nhiều hạn chế.
- Cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập.
- Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện.
- Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

4. Công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

a. Công dân toàn cầu

Em hãy quan sát sơ đồ, đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Sơ đồ

CÁC BIỂU HIỆN CỦA CÔNG DÂN TOÀN CẦU

Kiến thức

- Hiểu biết về các vấn đề mang tính toàn cầu (ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, đói nghèo và dịch bệnh, vấn đề dân chủ và công bằng xã hội, bảo vệ hoà bình,...);
- Hiểu biết về sự gắn kết, tương tác và phụ thuộc lẫn nhau về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá giữa các địa phương, quốc gia và toàn cầu;
- Hiểu biết về sự đa dạng văn hoá của các dân tộc, quốc gia,...

Kĩ năng

- Tự nhận thức về bản thân, về vị trí/vai trò của bản thân trong cộng đồng (địa phương, quốc gia, toàn cầu);
- Tư duy phản biện và sáng tạo;
- Giao tiếp và hợp tác trong môi trường đa văn hoá với bạn bè quốc tế;
- Khả năng thích ứng trong môi trường mới có sự khác biệt về văn hoá, xã hội;
- Hợp tác giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp và học tập,...

Thái độ

- Yêu nước, yêu thương con người, quan tâm, đồng cảm, chia sẻ;
- Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người và sự đa dạng văn hoá;
- Tôn trọng các giá trị và quyền con người;
- Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hoá của dân tộc, đồng thời tích cực học hỏi những tinh hoa văn hoá của các dân tộc, quốc gia khác;
- Có trách nhiệm, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động có ích cho cộng đồng quốc tế.

Thông tin. “Công dân toàn cầu là người: Nhận thức về thế giới rộng lớn và có ý thức sâu sắc về vai trò của mình như một công dân thế giới; tôn trọng sự đa dạng của các giá trị trong các nền văn hoá; có hiểu biết về các hoạt động của thế giới; có sự đam mê giải quyết vấn đề công bằng xã hội; tham gia vào cộng đồng ở nhiều cấp độ, từ địa phương đến toàn cầu; sẵn sàng hành động cùng người khác để làm cho thế giới trở nên công bằng và bền vững hơn; chịu trách nhiệm về hành động của mình.”

(Theo tổ chức Oxfam (2015), *Education for global citizenship, a guide for schools Oxfam Education and Youth, Oxfam House, John Smith Drive, Oxford OX4 2JY*)



- Em hãy kể tên các biểu hiện của công dân toàn cầu được thể hiện qua sơ đồ và thông tin trên.
- Từ các biểu hiện đó, em hãy cho biết thế nào là công dân toàn cầu.



Công dân toàn cầu là người có hiểu biết về thế giới, biết tôn trọng sự đa dạng của các giá trị trong các nền văn hoá và biết chịu trách nhiệm về hành động của mình; ý thức được vai trò của bản thân như một công dân thế giới, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng từ địa phương đến toàn cầu, sẵn sàng hợp tác với người khác để làm cho thế giới trở nên công bằng và bền vững hơn.

b. Các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

Em hãy đọc các thông tin và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Trong Hiến chương của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xác định mục tiêu: “Duy trì, thúc đẩy hoà bình, an ninh và ổn định và tăng cường hơn nữa các giá trị hướng tới hoà bình trong khu vực”. Trong giải quyết tranh chấp, Hiến chương xác định nguyên tắc: “Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực giải quyết một cách hoà bình, kịp thời tất cả các tranh chấp thông qua đối thoại, tham vấn và thương lượng.”

Thông tin 2. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự kết nối giữa các quốc gia trở nên phức tạp hơn khi có các quy định khác biệt đan xen giữa các khuôn khổ hiệp định. Các quốc gia khi tham gia FTA (Hiệp định Thương mại tự do) cũng có các tiêu chuẩn khác nhau và gặp những thách thức trong quá trình thực thi. Từ các mục đích và lợi

ích hướng đến khác nhau nên các cam kết quốc tế song phương và đa phương giữa các quốc gia có thể dẫn tới tình trạng chồng lấn hoặc xung đột, thậm chí phủ nhận nhau khi một quốc gia trong những giai đoạn và mối quan hệ khác nhau có thể tham gia điều ước khác nhau với các đối tác khác nhau. Ví dụ như CPTPP, khi kí kết Hiệp định, các quốc gia thành viên đã lường trước được những mâu thuẫn xung đột có thể phát sinh giữa Hiệp định và các thoả thuận song phương giữa các quốc gia thành viên. Vì vậy, trong Chương 1 Hiệp định về Các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung tại Điều 1.2 có quy định về “Mối quan hệ của Hiệp định và các Hiệp định khác”; trong đó, các cam kết trong CPTPP không mặc nhiên làm vô hiệu hoá các cam kết trong cùng lĩnh vực tại các Hiệp định khác của các quốc gia thành viên.

Để giải quyết xung đột điều ước quốc tế cho Việt Nam, cần thực hiện các nguyên tắc sau:

+ Thông qua thoả thuận về sửa đổi bổ sung hoặc giải thích điều ước đa phương giữa các quốc gia thành viên.

+ Đề xuất huỷ bỏ điều khoản xung đột hoặc yêu cầu chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế song phương về tự do thương mại.

+ Vận dụng các quy định về hiệu lực của điều ước quốc tế theo Công ước Viên năm 1969 trong kí kết và thực hiện điều ước quốc tế.

+ Kết hợp với biện pháp đàm phán chính trị, ngoại giao để giải quyết.

(Theo Phạm Hồng Nhật (2022), *Giải quyết xung đột điều ước quốc tế của Việt Nam*,
Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 9, trang 88 – 97)



Em hãy cho biết những nguyên tắc giải quyết xung đột về kinh tế nào được thể hiện qua mỗi thông tin trên.



Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam cần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh hợp tác khoa học công nghệ, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế trong hội nhập quốc tế.

Trong giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, cần đảm bảo nguyên tắc ứng phó và xử lý linh hoạt trước diễn biến trên thế giới; hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với cam kết quốc tế. Đồng thời, cần tận dụng tối đa pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế, nhất là trong giải quyết các vấn đề pháp lí phát sinh.



Luyện tập

1. Em hãy bình luận các ý kiến dưới đây.

- A. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cần giữ vững độc lập, tự chủ của nền kinh tế để “hội nhập” mà không “hoà tan”.
- B. Hội nhập kinh tế quốc tế có thể làm cho các nước đang và kém phát triển trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp.
- C. Đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế phải góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.
- D. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cần bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

2. Em hãy tìm hiểu về cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế (việc làm, ngành nghề, khoa học công nghệ,...) đối với học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay. Em sẽ làm gì để nắm bắt được những cơ hội và vượt qua thách thức đó?

3. Em hãy đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi

Sắp tốt nghiệp trung học phổ thông, hai bạn T và K chia sẻ mong muốn của mình trong học tập. T thì thích học ngành kinh tế ở trong nước vì có thể hỗ trợ bố mẹ công việc kinh doanh của gia đình. K cũng thích học ngành kinh tế nhưng muốn đi du học và sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc ở nước ngoài vì cho rằng ở đó có môi trường làm việc tốt hơn, công nghệ hiện đại hơn, thu nhập cao hơn.

a) Theo em, nếu nhiều bạn học sinh cũng có suy nghĩ như K thì điều gì sẽ xảy ra đối với nguồn lực lao động Việt Nam?

b) Nếu là T, em sẽ đưa ra lời khuyên như thế nào cho K?

4. Em hãy kể tên các biểu hiện của công dân toàn cầu và xác định các công việc cần làm để trở thành công dân toàn cầu.

Vận dụng

1. Em hãy sưu tầm thông tin về một hợp tác kinh tế quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam đã tham gia và cho biết những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam trong hợp tác đó.
2. Em hãy làm một tập san về thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3. Em hãy viết một bài viết tuyên truyền về đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích
Biến đổi	Làm thay đổi, hay làm biến chất, biến tính một hay nhiều sự vật hiện tượng xung quanh.
Chỉ số Nguồn nhân lực	Chỉ số được đánh giá dựa trên dữ liệu do Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) cung cấp, và là tổng hợp của bốn chỉ số thành phần: tỉ lệ người lớn biết đọc, biết viết; tỉ lệ nhập học chung; số năm đi học kì vọng; số năm học bình quân.
Cổ đông	Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
Cổ đông sáng lập	Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và kí tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp	Văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng kí doanh nghiệp mà Cơ quan đăng kí kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.
Hiệp định Thương mại tự do (FTA)	Một hiệp định giữa hai hay nhiều quốc gia, trong đó các quốc gia thoả thuận về các nghĩa vụ nhất định tác động đến thương mại hàng hoá và dịch vụ cũng như các biện pháp bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, và các lĩnh vực khác.
Oxfam	Một tổ chức phát triển trên toàn thế giới, huy động sức mạnh và tiếng nói của người dân chống lại đói nghèo, bất bình đẳng và bất công.

Thuật ngữ	Giải thích
Thuế quan	Thuế đánh vào hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu
Văn hoá	Giá trị vật chất và tinh thần còn lại sau thời gian, được cộng đồng xã hội tự nguyện lưu truyền từ đời này sang đời khác thông qua các chuỗi sự kiện trong đời sống hằng ngày.
Vốn điều lệ	Tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng kí mua khi thành lập công ty cổ phần.
Xã hội	Hệ thống, trong đó con người sống chung với nhau tạo thành những cộng đồng, tổ chức hay là tập đoàn người cụ thể nào đó, có cùng chung phong tục, pháp luật,...

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Chuyên đề 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI	7
Chuyên đề 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP	19
Chuyên đề 3. VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	35
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	49

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

NGUYỄN THỊ THUY LINH

Thiết kế sách:

PHAN THỊ TÚ UYÊN

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM – NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THUY LINH

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...